

PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

● HOÀNG KIM OANH

Học viện Hành chính Quốc gia

DOI: <https://doi.org/10.62831/202504007>

TÓM TẮT:

Bài viết đánh giá khái quát thực trạng phát triển kinh tế số (KTS) ở Việt Nam, chỉ rõ những hạn chế, bất cập, từ đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển KTS ở Việt Nam thời gian tới. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên các tài liệu, số liệu báo cáo của cơ quan chức năng và các công trình nghiên cứu có liên quan đã được công bố.

Từ khóa: chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, phát triển kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Kinh tế số đang là một xu hướng toàn cầu và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và sự gia tăng của người dùng internet, KTS đã và đang mang lại những thay đổi sâu sắc cho nền kinh tế Việt Nam. KTS đóng góp một tỷ lệ đáng kể vào GDP của Việt Nam, đặc biệt là trong các lĩnh vực như thương mại điện tử, dịch vụ số và sản xuất phần mềm. Sự phát triển của KTS tạo ra nhiều việc làm mới, giúp người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ một cách dễ dàng và nhanh chóng hơn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, việc phát triển KTS ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, bất cập. Tìm giải pháp tháo gỡ những khó khăn, thúc đẩy KTS phát triển bền vững ở Việt Nam trong thời gian tới là một yêu cầu cấp thiết.

2. Tổng quan về kinh tế số

Quan niệm về KTS được đưa ra từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX, nhằm phản ánh bản chất thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế dựa trên thành tựu công nghệ, cũng như việc sử dụng công nghệ của các doanh nghiệp và người tiêu dùng. Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về KTS. Theo Kling & Lamb (2000): “KTS là sử dụng công nghệ để hỗ trợ các quy trình sản xuất kinh doanh như giao dịch/thương mại” (6). Hội nghị thượng đỉnh G20 định nghĩa: “KTS là các hoạt động kinh tế trong đó sử dụng thông tin và tri thức được số hóa làm yếu tố chính của sản xuất, mạng thông tin hiện đại là không gian hoạt động quan trọng và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin truyền thông, đồng thời là động lực quan trọng nhằm tăng năng suất và tối ưu hóa cơ cấu kinh tế” (11). Tổ chức Hợp tác và

Phát triển Kinh tế (OECD) đưa ra định nghĩa toàn diện hơn: “KTS bao gồm tất cả các hoạt động kinh tế dựa vào hoặc được tăng cường đáng kể bằng cách sử dụng các yếu tố đầu vào kỹ thuật số, bao gồm công nghệ kỹ thuật số, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, dịch vụ kỹ thuật số và dữ liệu” (7). Theo đó, KTS đề cập đến tất cả các nhà sản xuất và người tiêu dùng, kể cả chính phủ đang sử dụng các đầu vào kỹ thuật số trong các hoạt động kinh tế.

Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam năm 2019 quan niệm: KTS là toàn bộ hoạt động kinh tế dựa trên nền tảng số và phát triển KTS, sử dụng công nghệ số và dữ liệu để tạo ra những mô hình kinh doanh mới (2). Trong báo cáo “Tương lai nền KTS Việt Nam hướng tới năm 2030 và 2045” đưa ra quan niệm: nền KTS bao gồm tất cả các doanh nghiệp, dịch vụ có mô hình kinh doanh chủ yếu dựa trên việc mua bán hoặc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số hoặc các thiết bị và cơ sở hạ tầng hỗ trợ (3).

Dù được quan niệm khác nhau, nhưng so với nền kinh tế truyền thống, KTS có một số điểm khác biệt, như: dữ liệu là nguồn tài nguyên vô hạn trong KTS; việc phát triển KTS dựa trên sự tiến bộ của các phần cứng và phần mềm công nghệ thông tin; Internet trao cho người tiêu dùng nhiều quyền năng hơn trong nền KTS. Hai nhà kinh tế Bukht và R. Heeks đã đưa ra đề xuất 3 phạm vi chính của nền KTS, bao gồm (8): KTS lõi (Core Digital Economy) bao gồm các thành phần: chế tạo phần cứng, dịch vụ thông tin, phần mềm và tư vấn công nghệ thông tin - truyền thông. KTS phạm vi hẹp (Digital Economy) bao gồm các thành phần: nền của KTS lõi, ngoài ra bổ sung thêm dịch vụ số (Digital services) và kinh tế hạ tầng (platform economy) và một phần của kinh tế chia sẻ (Sharing economy), kinh tế gắn kết lỏng (Gig economy). KTS phạm vi rộng (Digitalised Economy, hay là KTS hóa) chứa đựng cả KTS lõi và KTS phạm vi hẹp. Ngoài ra, KTS hóa còn bổ sung thêm kinh doanh điện tử (KĐĐT), thương mại điện tử (TMĐT), công nghiệp 4.0 (Industry 4.0), nông nghiệp chính xác (Precision agriculture), kinh tế thuật toán (Algorithmic Economy), phần còn lại của kinh tế chia sẻ và kinh tế gắn.

3. Thực trạng kinh tế số ở Việt Nam

Nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, phát triển KTS, ngày 27/2/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó xác định mục tiêu cụ thể: Đến năm 2025, KTS chiếm khoảng 20% GDP, đến năm 2030 chiếm khoảng 30% GDP. Cụ thể hóa chủ trương đó, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030 đã đề ra mục tiêu kép, vừa phát triển Chính phủ số, KTS, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có khả năng vươn ra thế giới, với mục tiêu KTS đến năm 2025 chiếm khoảng 20% GDP; tỷ trọng KTS đạt tối thiểu 10% trong từng ngành, từng lĩnh vực; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%; hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình và 100% số xã, phường, thị trấn; phổ cập mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; 50% dân số có tài khoản thanh toán điện tử... Trên thực tế, hoạt động phát triển KTS ở Việt Nam đã được triển khai đồng bộ với những bước đi cụ thể: 1) Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan tích cực, chủ động nghiên cứu sửa đổi, bổ sung thể chế, quy định pháp luật cho các ngành, các mô hình kinh doanh mới như: thương mại điện tử, tài chính số, ngân hàng số...; tạo cơ chế thu hút đầu tư cho công nghệ số và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. 2) Hoạt động xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, cải cách nền hành chính theo hướng số hóa được đẩy mạnh ở các cấp... Từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, về đăng ký doanh nghiệp... 3) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái số với nhiều chương trình được triển khai và đạt hiệu quả tốt như thành lập Quỹ Đổi mới sáng tạo công nghệ quốc gia, Cơ quan Công nghệ quốc gia... 4) Chú trọng hoàn thiện hành lang pháp lý bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng với sự ra đời của Luật An toàn thông tin mạng và Luật An ninh mạng năm 2018.

Đóng góp của KTS trên toàn bộ nền kinh tế: Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GDP các năm từ 2020

- 2024 lần lượt là 12,66%, 12,87% 12,83%, 12,87% và 13,17%. Trung bình tỷ trọng giá trị tăng thêm KTS trong GDP các năm 2020 - 2024 đạt khoảng 12,88%, trong đó ngành KTS lõi đóng góp 7,99% (chiếm 62%), số hóa các ngành khác đóng góp 4,89% (chiếm 38%). Tỷ trọng giá trị tăng do các ngành được số hóa có xu hướng tăng dần theo các năm, đạt từ 4,75% của GDP năm 2020 lên 5,01% của GDP năm 2024. Năm 2024, ước tính tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GDP có dấu hiệu phục hồi tích cực trên cơ sở gia tăng các đơn hàng ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học. Cụ thể, năm 2024, giá trị tăng thêm của các hoạt động KTS ước đạt hơn 1,5 triệu tỷ đồng - tương đương 62,7 tỷ USD, chiếm 13,17% trong GDP. Theo giá hiện hành, quy mô KTS của toàn bộ nền kinh tế năm 2024 tăng 14,1% so với năm 2023. Trong đó, các ngành KTS lõi chiếm hơn 62%. Cụ thể, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học chiếm hơn 32% (tăng hơn 16% theo giá hiện hành); các ngành KTS lõi khác như: bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, linh kiện điện tử, viễn thông, xuất bản phần mềm, viễn thông, lập trình máy vi tính, cổng thông tin... chiếm khoảng 30% có xu hướng tăng (tăng gần 13% theo giá hiện hành) so với năm 2023 (1).

Bên cạnh các ngành KTS lõi, một số ngành có giá trị tăng thêm KTS cao như: Thương mại bán buôn, bán lẻ ứng dụng công nghệ số (thương mại điện tử) chiếm khoảng gần 14% trong tổng giá trị tăng thêm của KTS, theo giá hiện hành tăng khoảng 20% so với năm 2023; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí chiếm khoảng 4% và tăng gần 11% so với năm 2024; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn chiếm khoảng 2%; Hoạt động phát thanh, truyền hình chiếm khoảng 2%; Hoạt động dịch vụ tài chính khoảng 2%. Một số ngành có hoạt động số hóa thấp và gần như không thực hiện số hóa như hoạt động thú y; hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung... (chiếm khoảng 0,002% tổng giá trị tăng thêm của KTS) (1).

Đóng góp về quy mô KTS theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Năm 2024, trong số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 5 tỉnh, thành phố có tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GRDP đạt trên 20%, bao gồm: tỉnh Bắc Giang (43,6%), tỉnh Bắc Ninh (42,5%), tỉnh Thái Nguyên (35,5%), thành phố Hải Phòng (27,2%), tỉnh Vĩnh Phúc (26,8%); 7 tỉnh, thành phố có tỷ trọng từ 10-20%; 51 tỉnh, thành phố có tỷ trọng từ 5-10% (1).

Tăng trưởng của hoạt động KTS: Theo giá so sánh, tăng trưởng của các hoạt động KTS năm 2024 ước tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó hoạt động KTS lõi tăng 9,9% và hoạt động số hóa của các ngành tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2023. Một số ngành có tăng trưởng KTS cao, như: Ngành nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan tăng hơn 20%; hoạt động hỗ trợ khai khoáng tăng trên 30%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 21%; hoạt động bưu chính và chuyển phát tăng 30%; hoạt động thương mại bán buôn, bán lẻ tăng hơn 14%. Bình quân giai đoạn 2021 - 2024, tăng trưởng của KTS ước đạt 8,7%, trong đó khu vực dịch vụ luôn có tốc độ tăng trưởng cao nhất, trung bình cả giai đoạn tăng 9,7%; khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng 7,1% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 8,8% (1).

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển KTS ở Việt Nam còn có những hạn chế nhất định.

Một là, môi trường thể chế, chính sách cho phát triển KTS còn bất cập, chưa đồng bộ. Khung pháp lý vẫn chưa đồng bộ về xây dựng Chính phủ điện tử và cơ chế bảo đảm thực thi nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử chưa đủ mạnh nên kết quả triển khai nhiều nhiệm vụ về Chính phủ điện tử cũng còn chậm và nhiều nơi thực hiện còn mang tính hình thức. Hiện nay, đã có khá nhiều văn bản pháp luật từng bước được ban hành để điều chỉnh quan hệ của các chủ thể tham gia cuộc cách mạng 4.0 như: Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018 (10). Tuy nhiên, khung pháp lý này hiện còn bộc lộ một số tồn tại do môi trường pháp lý bất cập, thiếu đồng bộ

giữa các văn bản pháp luật; còn có khoảng cách giữa quy định pháp luật với việc thực thi trong thực tế. Các quy định thường không theo kịp với tốc độ số hóa nhanh chóng của nền kinh tế.

Hai là, xuất phát điểm nền KTS của Việt Nam chậm hơn các nước trong khu vực; lực nội tại của nền kinh tế Việt Nam vẫn còn một khoảng cách lớn với các nước trong khu vực về đổi mới sáng tạo; nhận thức và kiến thức về KTS của nhiều cán bộ quản lý trong các bộ, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và người dân chưa đồng đều, dẫn đến nhu cầu, kế hoạch và hành động cho phát triển KTS chưa kịp thời được triển khai hoặc triển khai không đạt hiệu quả cao trong các ngành, các lĩnh vực, địa phương (4). Quy mô KTS còn nhỏ; quá trình chuyển đổi số quốc gia còn chậm, thiếu tính chủ động do hạ tầng phục vụ chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp; vấn đề an ninh mạng còn nhiều thách thức.

Ba là, tốc độ, chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển KTS; việc tiếp cận dịch vụ di động băng thông rộng khu vực nông thôn, miền núi còn hạn chế. Nhiều công nghệ lõi nước ta chưa làm chủ, còn phải phụ thuộc nguồn cung từ bên ngoài... Hệ thống hạ tầng, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia tạo nền tảng cho chuyển đổi số còn phân tán, thiếu, chưa được chuẩn hóa đồng bộ, khai thác hạn chế; việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia còn chậm; việc kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu của cả khu vực công và tư còn nhiều bất cập; kết nối, liên thông số và năng lực kết nối giữa các hạ tầng vẫn còn ở mức thấp và chưa thống nhất; trang bị kỹ thuật cho thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu còn ít, chưa đồng bộ; an toàn, an ninh mạng chưa được đảm bảo...(5)

Bốn là, mức độ số hóa của Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực Asean và châu Á, chỉ mới xếp thứ 70/141 quốc gia, với mức điểm 12,06 điểm/25 điểm tối đa, chỉ cao hơn không đáng kể mức điểm trung bình của thế giới (mức trung bình

của thế giới là 11,9 điểm). Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển KTS, lực lượng lao động chưa có kỹ năng cần thiết để hoàn toàn làm chủ về KTS;... Giáo dục đào tạo của Việt Nam chưa theo kịp với xu thế phát triển của KTS trên thế giới; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực về công nghệ thông tin và truyền thông; nguồn nhân lực hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi sang KTS.

4. Một số giải pháp cần thực hiện phát triển kinh tế số

Thứ nhất, đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển KTS.

Hoạt động này cần thực hiện trước hết nhằm tháo gỡ kịp thời nhiều vướng mắc, bất cập trong phát triển KTS. Theo đó, tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế liên quan đến các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư, kinh doanh trong môi trường KTS. Tạo ra môi trường kinh doanh thân thiện, ổn định và hỗ trợ cho các doanh nghiệp công nghệ và các start-up, khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo. Cung cấp các cơ hội tài chính, cơ hội hợp tác giữa doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu và phát triển. Nâng cao hiệu quả các gói chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, đặc biệt là các chính sách về vốn và nhân lực. Đồng thời, thiết lập các chính sách hỗ trợ cho các mô hình kinh doanh mới, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng thương mại điện tử và công nghệ số. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyển đổi số; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm,... nhằm kết nối chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, phổ biến kiến thức đến các địa phương, doanh nghiệp, người dân.

Thứ hai, phát triển đồng bộ hạ tầng số.

Tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng mạng và viễn thông để cải thiện tiếp cận internet và tăng tốc độ kết nối. Coi trọng phát triển các dịch vụ kết nối mạng, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường nâng cấp mạng 4G và gia tăng tốc độ triển khai mạng 5G, đồng thời đẩy mạnh việc áp dụng giao thức internet tiên tiến IPv6 để có thể theo kịp xu hướng thế giới. Xây dựng và

phát triển kết cấu hạ tầng viễn thông theo hướng hiện đại, trở thành nền tảng. Thúc đẩy phát triển hạ tầng phục vụ cho hoạt động thương mại điện tử, đặc biệt là hệ thống thanh toán điện tử. Xây dựng các chính sách và quy phạm pháp luật về an ninh mạng và bảo mật thông tin. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin và kỹ thuật phòng chống tấn công mạng.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển KTS.

Tăng cường đầu tư vào giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ thuật số. Xây dựng các chương trình đào tạo và khuyến khích học tập liên quan đến công nghệ thông tin và truyền thông, luôn cập nhật với các xu hướng công nghệ mới. Thúc đẩy hỗ trợ các hình thức hợp tác đào tạo giữa các nhà trường, viện nghiên cứu và tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong đào tạo nhân lực chuyển đổi số; hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc thực tế ở các doanh nghiệp liên quan đến hoạt động chuyển đổi số. Đồng thời có các chính sách thu hút và giữ chân nhân lực có chất lượng cao liên quan đến an toàn thông tin. Xây dựng mạng lưới, kết nối các chuyên gia, nhà khoa học nhằm thúc đẩy gắn kết nghiên cứu, chia sẻ tri thức về hoạt động chuyển đổi số.

Thứ tư, xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Đây là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy KTS và hình thành xã hội số. Đồng thời, tạo lập, hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu; tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm

dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Cần chú trọng xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu nền tảng như: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai... Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương; hệ thống liên thông gửi, nhận văn bản điện tử; xác thực định danh điện tử; liên thông giữa các hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ và chữ ký số công cộng; Cổng thanh toán quốc gia...

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển KTS.

Việt Nam cần tận dụng được những cơ hội của hội nhập quốc tế, đặc biệt là những FTA thế hệ mới Việt Nam đã ký kết như CPTPP, EVFTA và RCEP. Thực hiện chuyển đổi số trong công tác nghiệp vụ hải quan; triển khai chuyển đổi số trong Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa Asean; triển khai Đề án Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về hải quan. Hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý thuế, hiện đại hóa công tác quản lý thuế phù hợp với xu thế hội nhập của KTS.

5. Kết luận

Kinh tế số ngày càng đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữa bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việc xây dựng một nền KTS mạnh mẽ không chỉ giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn đảm bảo sự phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Theo đó, cần sự nỗ lực, quyết tâm của Chính phủ, các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới quốc gia, phát triển KTS và xã hội số ở Việt Nam ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025). Thông cáo báo chí kết quả biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GDP, GRDP giai đoạn 2020 - 2024.
2. Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương (2019). Diễn đàn kinh tế tư nhân Việt Nam - Phiên hiến kế về phát triển KTS, ngày 02/5/2019, Hà Nội.

3. Cơ quan Nghiên cứu, Khoa học và Công nghiệp Khối thịnh vượng chung Úc (CSIRO) (2019). Tương lai nền KTS Việt Nam hướng tới năm 2030 và năm 2045.
4. Ngô Thế Chi, Ngô Văn Lượng. Phát triển KTS ở Việt Nam - Thuận lợi, khó khăn và giải pháp (2023). Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số Kỳ 2 tháng 6 (số 242).
5. Võ Thành Phong, Ngô Đình Sáng (2023). Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số. Truy cập tại: <https://www.tuyengiao.vn/phat-trien-va-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-chuyen-doi-so-150022>.
6. Nguyễn Thị Phương Oanh (2023). Cải cách thể chế - Bước đột phá để phát triển kinh tế số và đô thị sáng tạo. Truy cập tại: https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r//tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM282778.
7. Kling R. & Lamb R (2000). Công nghệ thông tin và sự thay đổi tổ chức trong nền KTS, tìm hiểu nền KTS, E. Brynjolfsson & B. Kahin (eds), MIT Press, Cambridge, MA.
8. Rumana Bukht and Richard Hecks. Defining, Conceptualising and Measuring the Digital Economy. Paper
9. No. 68, Centre for Development Informatics, Global Development Institute, SEED, 2017.
10. OECD (2020). G20 - Toolkit for measuring the digital economy. Available at: <http://www.oecd.org/g20/summits/buenosaires/G20-Toolkit-for-measuring-digitaleconomy.pdf>.

Ngày nhận bài: 6/01/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/01/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/02/2025

DIGITAL ECONOMIC DEVELOPMENT IN VIETNAM : CURRENT STATUS AND SOLUTIONS

● **HOANG KIM OANH**

Academy of Public Administration and Governance

ABSTRACT:

This study examines the development of Vietnam's digital economy, highlighting its current state, key challenges, and existing limitations. By analyzing official reports, statistical data, and relevant academic research, the study identifies critical barriers to growth and proposes strategic solutions to accelerate digital economic development in Vietnam. The findings offer insights for policymakers, businesses, and researchers seeking to enhance Vietnam's digital transformation in the coming years.

Keywords: digital transformation, digital economy, green economy, economic development.